

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách
khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
giai đoạn 2021 - 2030**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2021-2030, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021- 2030;

Về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước: Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016) về *một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế*; Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về *phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị*

trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một số nhiệm vụ chủ yếu: Hoàn thiện và bảo đảm thực thi minh bạch, hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động; Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó: “Ưu tiên nguồn lực, tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020...”; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, theo đó: “Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất và đời sống,.... Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”; Kết luận số 50-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế “Tiếp tục tái cơ cấu các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng. Nâng cao năng lực ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới để phát triển các sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh cao của quốc gia”.

Một trong những quan điểm phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01 tháng 11 năm 2012) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đó là: “*Coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ*” đã góp phần thúc đẩy phong trào Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, khả năng cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; và thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. (Báo cáo chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm)

Hiện nay, nền kinh tế trong nước phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức; chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, tăng năng suất lao động chưa trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (sau đây gọi tắt là CMCN 4.0), đang loại bỏ dần ưu thế của kinh nghiệm, phương thức quản trị cũ, mô hình kinh doanh cũ, các yếu tố lợi thế vốn có nhiều lao động giá rẻ, khai thác tài nguyên đang dần mất đi, đã và đang là những thách thức đối với nền kinh tế nước ta. Theo đó, CMCN 4.0 đã được phát triển theo các hình thái

khác nhau như: Nhà máy thông minh, mọi thứ kết nối internet, công nghiệp thông minh hoặc sản xuất tiên tiến. Những tiến bộ về công nghệ số tạo thuận lợi cho sản xuất các sản phẩm chất lượng cao theo nhu cầu riêng một cách dễ dàng và rẻ hơn, cuộc cách mạng thông tin tạo tiền đề cho những đổi mới đột phá về mô hình kinh doanh. Trong nhiều ứng dụng công nghệ của CMCN 4.0, việc tìm hiểu và nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào thúc đẩy nâng cao năng suất của các doanh nghiệp Việt Nam rất cần thiết để giúp các doanh nghiệp Việt Nam đón đầu công nghệ mới, đưa việc ứng dụng, phát triển công nghệ của CMCN 4.0 thành cơ hội đổi mới, sáng tạo cho doanh nghiệp trong điều kiện các công nghệ thông tin và tự động hóa các quá trình kinh doanh, sản xuất còn yếu ở hầu hết các doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việt Nam, đang trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng hơn sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Thương mại tự do VN - EU (EVFTA); Hiệp định Bảo hộ đầu tư EVIPA. Tham gia các hiệp định kinh tế quốc tế trên, các doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước những khó khăn, cơ hội và thách thức mới của việc tăng cường năng lực cạnh tranh và cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó, với thực trạng nền kinh tế nước ta còn nhiều hạn chế về đổi mới mô hình tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao.

Trên thế giới, hiện một số quốc gia đã và đang phát triển đều có những nỗ lực để cải tiến và tăng trưởng năng suất; đồng thời, triển khai nhiều chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp và thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ, nghiên cứu phát triển, khởi nghiệp sáng tạo. Trong bối cảnh CMCN 4.0, nhiều quốc gia trên thế giới nói chung và ở Châu Á nói riêng như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Malaysia,... đã dành nhiều sự quan tâm vào các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và định hướng triển khai mạnh mẽ. Ví dụ: Hàn Quốc, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý sản xuất (KPS), đánh giá thực trạng và tư vấn các áp dụng sản xuất thông minh, đào tạo nhân lực cho ngành in 3D, tổ chức giải thưởng năng suất; Đài Loan, đang tập trung cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện mô hình sản xuất thông minh như: Hỗ trợ về đào tạo, huấn luyện thực hành theo các cấp độ của sản xuất thông minh, hướng dẫn áp dụng các hệ thống điều hành sản xuất, hệ thống hoạch định nguồn lực công nghệ AT;... (*Báo cáo chi tiết chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp tại một số quốc gia theo phụ lục 02 đính kèm*)

Các địa phương trên cả nước, hiện đã ban hành một số chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp thiết thực, góp phần thúc đẩy tinh thần và hiện thực hóa cho doanh nghiệp trong các hoạt động về nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất; đề cao được vai trò và tính chủ động của doanh nghiệp trong các hoạt động khoa học và công nghệ, điển hình như: tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2016); tỉnh Long

An (Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014); tỉnh Hà Tĩnh (Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2016);... Các chính sách với hướng hỗ trợ tiếp cận trên cơ sở các sản phẩm thực tế giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất chất lượng, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, tạo ra các sản phẩm mới đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. (Báo cáo chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)

Trên địa bàn tỉnh, một số hạn chế nội tại vẫn chưa được giải quyết triệt để, nguồn lực của một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực còn hạn hẹp (cả về nhân lực và tài chính). Doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa (chiếm tỉ lệ khoảng 98%) và gặp nhiều khó khăn trong định hướng nâng cao trình độ công nghệ, năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất, năng lực kết nối; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động,...; tiềm lực về vốn hạn hẹp, khả năng đầu tư công nghệ hạn chế, kinh nghiệm sản xuất yếu và năng lực cạnh tranh thấp; có một số rào cản nhất định giữa doanh nghiệp với các chính sách khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách hiện nay, đó là doanh nghiệp chưa thực sự nhận thức đầy đủ về các vấn đề khoa học, công nghệ của chính doanh nghiệp, trong khi quy trình tiếp cận các nguồn ngân sách nhà nước còn phức tạp; đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn hẹp về nguồn tài chính nên không sẵn sàng đối ứng kinh phí để thực hiện, tham gia chương trình hỗ trợ của tỉnh. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta thời gian qua đã ban hành rất nhiều chính sách về vốn vay, thuế, xúc tiến thương mại,... có tác động tích cực tới việc phát triển doanh nghiệp, tạo môi trường thông thoáng, bình đẳng cho các loại hình doanh nghiệp. Song, trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp cũng gặp không ít những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đặc biệt về điều kiện thích ứng với CMCN 4.0. Điều này đòi hỏi cần phải có một chính sách cụ thể về hỗ trợ đổi mới phương thức quản lý, quản trị hiện đại, hỗ trợ đổi mới về công nghệ, trợ giúp về mặt khoa học – công nghệ nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với giai đoạn phát triển của doanh nghiệp; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Thời gian qua, hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014 – 2020 (Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND) đã góp phần giúp một số doanh nghiệp thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, tăng sức cạnh tranh trên thị trường; Chương trình đã đóng góp tích cực đưa sản phẩm, hàng hóa của tỉnh thay đổi một bước lớn về chất lượng, cụ thể đã hỗ trợ được 530 lượt doanh nghiệp với số kinh phí nhà nước hỗ trợ đạt 33.910 triệu đồng, kinh phí đối ứng của doanh nghiệp đạt khoảng 190.000 triệu đồng.

Việc hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đã đem lại những hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp trong việc hợp lý hóa quy trình sản xuất, tiết

kiệm vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng,... giảm thiểu lãng phí, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Hiệu quả của việc áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đã được các doanh nghiệp nhận thức hơn về tầm quan trọng của việc xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Các chương trình cải tiến năng suất, chất lượng đã trở thành hoạt động không thể thiếu trong doanh nghiệp. Nhiều hệ thống quản lý như: ISO 9001, SA 8000, ISO 14000, GMP, HACCP,... và các công cụ cải tiến như: 5S, Kaizen, Lean, Lean 6 Sigma,... đã được xây dựng, ứng dụng nhiều hơn.

Các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh cũng đã tham gia, phối hợp tham mưu tích cực cho công tác hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc xây dựng, ứng dụng, duy trì các phương pháp, công cụ quản lý mới như ISO 9001 nhằm đẩy mạnh chất lượng phục vụ, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Với những lý do chính được khái quát như trên, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, để tạo lập cơ sở hạ tầng cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nói riêng và phạm vi nền kinh tế nói chung trong giai đoạn tới, cần có những chính sách về khoa học và công nghệ hướng đến doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là trung tâm của công cuộc phát triển để hỗ trợ cho doanh nghiệp theo hướng đổi mới sáng tạo, khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Do đó, việc xây dựng và tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2021-2030 là cần thiết, để góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất, chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Qua đó, sẽ góp phần dần hình thành các cộng đồng doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng chú trọng nghiên cứu - phát triển (R&D), làm chủ công nghệ thay thế cho các nền tảng quản trị, sản xuất dựa vào nguồn tài nguyên và giá lao động rẻ trong giai đoạn vừa qua.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và khả năng cạnh tranh trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; kết hợp với ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và phát triển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp của giai đoạn này hướng đến doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa **thế mạnh, có giá trị cao của tỉnh**, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, phát triển, chú trọng nghiên cứu ứng dụng và

thương mại hóa kết quả; thúc đẩy tham gia, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đảm bảo các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai có hiệu quả; thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng của doanh nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững; bảo đảm các quy định pháp luật về an toàn, sức khỏe, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, an toàn thông tin và trách nhiệm xã hội.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ngân sách nhà nước; phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế tại tỉnh.

- Doanh nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong việc nâng cao năng suất, chất lượng. Chính sách khoa học và công nghệ của tỉnh tạo nền tảng, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng; cơ chế hỗ trợ của tỉnh đảm bảo sự lan tỏa theo chiều rộng, hướng tới đối tượng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; đồng thời, có những ưu tiên, đầu tư cho một số doanh nghiệp có tiềm lực, có hoạt động đổi mới, cải tiến tích cực để tạo ra các mô hình điem, có tính đột phá trong việc triển khai các hoạt động cải tiến, nâng cao năng suất; từ đó tạo động lực lan tỏa cho các doanh nghiệp khác trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Chính sách khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014 – 2020.

- Chính sách mới trên địa bàn tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ nên cần có tính linh hoạt, có thể điều chỉnh, bổ sung phù hợp khi nhu cầu thực tiễn thay đổi.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2021 – 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đang hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm: công ty TNHH, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký pháp nhân tại Việt Nam, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, trang trại.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Chính sách 1: Hỗ trợ kinh phí đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp

a) Mục tiêu của chính sách: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp tổ chức các khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp.

b) Nội dung của chính sách: Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp tổ chức khóa đào tạo về các hệ thống quản lý; công cụ cải tiến năng suất chất lượng; cải tiến và đổi mới mô hình quản lý sản xuất, kinh doanh; đào tạo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với tối thiểu 10 học viên/khóa: Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 50% tổng chi phí khóa học, nhưng không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các Sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức mới, tri thức mới, nâng tầm nhận thức của doanh nghiệp trong tình hình mới.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ kinh phí xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; xây dựng các hệ thống quản lý, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; thực hành nông nghiệp tốt, thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; và hỗ trợ tôn vinh các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

a) Mục tiêu của chính sách: Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; xây dựng các hệ thống quản lý, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; thực hành nông nghiệp tốt, thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và hỗ trợ tôn vinh các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

b) Nội dung của chính sách:

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý: ISO 9001, SA 8000. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 50 triệu đồng/hệ thống/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý: ISO 14001, ISO 50001, ISO 26000, OHSAS 18000, ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 27001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, BRC, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 100 triệu đồng/hệ thống/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí đánh giá chứng nhận lại (tái chứng nhận), giám sát các hệ thống quản lý. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa bằng 30% mức hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý tương ứng.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm, hàng hóa. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 10 triệu đồng/tiêu chuẩn/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30 triệu đồng/sản phẩm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tôn vinh các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Trong đó: Mức hỗ trợ kinh phí 30 triệu đồng/lần/doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; Mức hỗ trợ kinh phí 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Tập huấn các quy định, các tiêu chuẩn mới, chủ động tiếp cận các doanh nghiệp để đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

a) Mục tiêu của chính sách:

b) Nội dung của chính sách:

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu trong nước đối với nhãn hiệu hàng hóa. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 10 triệu đồng/nhãn hiệu/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu ở nước ngoài đối với nhãn hiệu hàng hóa. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30 triệu đồng/nhãn hiệu/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu trong nước đối với đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.²

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu ở nước ngoài đối với đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Tập huấn các quy định về sở hữu trí tuệ, phối hợp hướng dẫn doanh nghiệp hiểu và tham gia bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ.

4. Chính sách 4: Hỗ trợ ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và

tiết kiệm năng lượng

a) Mục tiêu của chính sách:

Khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng, tận dụng nguồn năng lượng tái tạo vào sản xuất, hạn chế sử dụng các nguồn nhiên liệu hữu hạn, chủ động, tối ưu hóa trong sản xuất và góp phần bảo vệ môi trường bền vững.

b) Nội dung của chính sách:

Hỗ trợ kinh phí thực hiện khảo sát, đánh giá hiện trạng, kiểm toán năng lượng; tư vấn thiết kế hệ thống; đào tạo, tập huấn vận hành; vận hành chạy thử nhằm ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 300 triệu đồng/đề án/doanh nghiệp.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Tập huấn, tuyên truyền về năng lượng mới, năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng, hướng dẫn doanh nghiệp, tiếp cận và thực hiện.

- Hỗ trợ để doanh nghiệp có thêm động lực cho sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch.

5. Chính sách 5: Hỗ trợ hoạt động tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

a) Mục tiêu của chính sách:

Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, tối ưu hóa quy trình sản xuất; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững.

b) Nội dung của chính sách:

Hỗ trợ kinh phí tư vấn, khảo sát, đánh giá hiện trạng quy trình sản xuất; xác định các nguyên nhân gây thải và lãng phí; tư vấn, thiết kế; phân tích mẫu; tập huấn chuyên gia quy trình công nghệ xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường; tư vấn, áp dụng quy trình sản xuất nhằm giảm đến mức tối thiểu số lượng tài nguyên sử dụng đầu vào và số lượng phế thải tạo ra. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Phối hợp với các ngành, chủ động tiếp cận các doanh nghiệp để đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ.

- Thúc đẩy doanh nghiệp xác định và giảm thiểu các chi phí sản xuất không cần thiết, qua đó tăng giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá trên thị trường.

6. Chính sách 6: Hỗ trợ đổi mới công nghệ

a) Mục tiêu của chính sách:

Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao các sáng chế; ứng dụng, phát triển các công nghệ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển bền vững.

b) Nội dung của chính sách:

- Hỗ trợ kinh phí chuyển giao, nhận chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích nhằm ứng dụng phát triển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30% giá trị hợp đồng, nhưng không quá 200 triệu đồng/đề án/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá lựa chọn công nghệ; phân tích, thử nghiệm sản phẩm của công nghệ được đổi mới; đào tạo, tập huấn, hướng dẫn vận hành chạy thử của hợp đồng ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30% giá trị hợp đồng và không quá 500 triệu đồng/đề án/doanh nghiệp.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Kết hợp tổ chức, khảo sát đánh giá trình độ công nghệ, chủ động tiếp cận các doanh nghiệp để đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ.

- Khuyến khích các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ giúp doanh nghiệp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên thị trường.

7. Chính sách 7: Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Mục tiêu của chính sách:

Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số một cách hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển, quản trị của doanh nghiệp.

b) Nội dung của chính sách:

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn thiết kế, xây dựng, chuyển giao; đào tạo, tập huấn phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản trị; tăng năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30% giá trị hợp đồng và không quá 150 triệu đồng/phần mềm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, thiết kế, xây dựng, chuyển giao; đào tạo, tập huấn các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông thuộc công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phục vụ quá trình chuyển đổi số tại doanh nghiệp. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/đề án/doanh nghiệp.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Phối hợp với các ngành, chủ động tiếp cận các doanh nghiệp để đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ.

8. Chính sách 8: Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu – phát triển (R&D)

a) Mục tiêu của chính sách:

Hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu thị trường, tạo ra sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ mới, đáp ứng được yêu cầu phát triển của doanh nghiệp

b) Nội dung của chính sách:

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện đặt hàng nghiên cứu phát triển; thuê máy móc, thiết bị; thuê chuyên gia tại các Viện nghiên cứu, Trường đại học, cao đẳng và các tổ chức khác có liên quan nhằm tạo ra công nghệ, sản phẩm, hàng hóa mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các quy định hiện hành có liên quan. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/đề án/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thuê trang thiết bị của phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các Viện, Trường đại học, cao đẳng và các tổ chức khác phục vụ thí nghiệm, phân tích, thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa mới trước khi đưa ra thị trường lần đầu. Mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp và không quá 01 lần/năm.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho phòng thí nghiệm, thử nghiệm, phân tích, kiểm định, hiệu chuẩn của doanh nghiệp để phục vụ việc đánh giá sự phù hợp các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn riêng đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu. Doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ chi trả kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật. Trường hợp đã chi trả bằng toàn bộ số vốn của Quỹ phát triển khoa học

và công nghệ của doanh nghiệp mà vẫn còn thiếu, thì được hỗ trợ 30% phần còn thiếu, nhưng mức hỗ trợ kinh phí không quá 1.000 triệu đồng.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các Sở, ban, ngành, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Phối hợp với các ngành, chủ động tiếp cận các doanh nghiệp để đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ.

- Việc hỗ trợ góp phần tạo ra được giá trị rất lớn trong việc định hướng phát triển các doanh nghiệp trong tương lai đó là doanh nghiệp phát triển dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững trên thị trường.

9. Chính sách 9: Hỗ trợ nghiên cứu phát triển thị trường

a) Mục tiêu của chính sách:

Hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ tiếp tục nghiên cứu, phát triển, đa dạng hóa sản phẩm khoa học và công nghệ; liên tục duy trì sự sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Nội dung của chính sách:

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn, khảo sát nghiên cứu thị trường đối với các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ mới. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp và không quá 01 lần/năm.

- Hỗ trợ kinh phí thuê gian hàng, thiết kế, dàn dựng gian hàng tham gia hoạt động giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới. Mức hỗ trợ kinh phí tối đa 30 triệu đồng/lần/năm/doanh nghiệp.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Phổ biến chính sách đến các sở, ban, ngành, Hội, Hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã, toàn thể các doanh nghiệp, Hợp tác xã, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh để tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Ban hành hướng dẫn các bước thực hiện chính sách để thống nhất phương thức thực hiện, tạo điều kiện cho các đối tượng có liên quan có thể dễ dàng tham gia.

- Phối hợp với các ngành, chủ động tiếp cận các doanh nghiệp để đề xuất, hướng dẫn hỗ trợ.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ: khoảng 03 tỷ đồng/năm trong năm đầu tiên triển khai Nghị quyết và tiếp tục điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với hiệu quả thực hiện các chính sách trên

thực tế trong những năm tiếp theo.

- Nhân lực quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; các sở, ban, ngành, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, Hội, hiệp hội, Liên minh Hợp tác xã phối hợp thực hiện.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân thông qua: Tháng 07/2021.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo tổng kết việc thực hiện Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020; (2) Báo cáo đánh giá tác động Chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2021 – 2030; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản sao ý kiến góp ý; (4) Đề cương dự thảo nghị quyết; (5) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp)

Nơi nhận:

- Như trên (kính trình);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, VX5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**